

Bản án số: 249/2022/HNGĐ-ST
Ngày 22 – 11 – 2022
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ngô Hồng Dưỡng

Ông Châu Hải Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 22 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 426/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2022 về việc “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 285/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Ngô Ánh N, sinh năm 1969; cư trú tại: Ấp P, xã T1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Trần Hoàng T, sinh năm 1964; cư trú tại: Ấp P, xã T1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện của bà Ngô Ánh N, thể hiện:**

Về hôn nhân: Bà N và ông Trần Hoàng T chung sống với nhau trước năm 1987, không đăng ký kết hôn. Khi về chung sống, thời gian gần đây phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, ông T khi uống rượu về thường xuyên chửi, đập phá đồ đạc và hăm dọa, bà N xác định không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Gồm Trần Tuấn K, sinh năm 1987, Trần Nguyệt Nh, sinh năm 1994 và Trần Xuân Tr, sinh năm 2001 đều đã trưởng thành nên khi ly hôn bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ và các vấn đề khác: Không có.

** Đối với ông Trần Hoàng T:* Mặc dù đã được tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng về yêu cầu khởi kiện của bà N nhưng ông T không có ý kiến gì và không tham gia hòa giải, xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Ngô Ánh N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Trần Hoàng T đã được Tòa án triệu tập đến lần thứ hai để tham gia xét xử nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự này là đúng quy định.

[2] Bà N và ông Trần Hoàng T chung sống với nhau trước năm 1987, không đăng ký kết hôn. Khi về chung sống, thời gian gần đây phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, ông T khi uống rượu về nhiều lần chửi, đập phá đồ đạc và hăm dọa, bà N xác định không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu ly hôn với ông T. Ông T không có ý kiến gì về thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn và yêu cầu xin ly hôn của bà N.

Xét yêu cầu của bà N, thấy rằng: Mặc dù hôn nhân giữa bà N và ông T không đăng ký kết hôn; tuy nhiên qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện bà N có 03 người con, trong đó anh Trần Tuấn K, sinh ngày 01/01/1987 nên theo điểm a mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình thì hôn nhân của bà N và ông T là hôn nhân thực tế nên được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Tuy nhiên, bà N yêu cầu xin ly hôn nhưng qua các lần triệu tập hòa giải, xét xử ông T đều vắng mặt không có lý do, thể hiện việc ông T không có thiện chí hòa giải, hàn gắn; điều đó cho thấy tình trạng hôn nhân của các đương sự đã thực sự trầm trọng và không thể hàn gắn nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà N ly hôn với ông T là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Theo bà N xác định có 03 người con nhưng đều đã trưởng thành, ông T không có ý kiến gì về vấn đề này nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản: Bà N xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, về các vấn đề khác: Bà N xác định không có; ông T không có ý kiến gì về các nội dung này nên không đặt ra xem xét; trường hợp có phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà N phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Ánh N. Cho bà N được ly hôn với ông Trần Hoàng T.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà N phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013060 ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi (bà N đã nộp xong).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- UBND xã Thanh Tùng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA